

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2022/LĐ-ST

Ngày: 22/7/2022

V/v tranh chấp liên quan trách nhiệm
vật chất của người lao động.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Sỹ Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phú Minh Thông

2. Bà Nguyễn Thị Hiếu

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Kim Tuyền – cán bộ Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Lệ Thủy – Kiểm sát viên

Trong các ngày 14, ngày 18 và ngày 22 tháng 7 năm 2022, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Quận 1, đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 69/2019/TLST-LĐ ngày 09 tháng 8 năm 2019 về việc: “Tranh chấp liên quan đến trách nhiệm vật chất của người lao động” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2778/2022/QĐXXST-LĐ ngày 02/6/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 3747/2022/QĐST-LĐ ngày 28/6/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trần Nhật M; Địa chỉ: 212b/54a đường A, Phường B, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn H là người đại diện theo giấy ủy quyền ngày 13/8/2019 lập tại văn phòng công chứng Dương Phước Hoàng Khánh, Tp. Hồ Chí Minh; địa chỉ: 13/3A Khu phố C, phường D, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Tổng công ty VHSG – Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên; địa chỉ: 88 đường X, phường Y, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Trần Chiêu D là người đại diện theo văn bản ủy quyền ngày 23/9/2019 của ông Trương VH - Tổng giám đốc; địa chỉ: 112/4A Z, xã P, huyện Hóc Môn, Tp. Hồ Chí Minh.

Phiên tòa có mặt ông Trần Nhật M, ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Trần Chiêu D; ông H và bà D vắng mặt khi tuyên án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 31 tháng 7 năm 2019, nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:

Ông là người lao động theo hợp đồng không xác định thời hạn tại Tổng công ty VHSG với vị trí làm việc là Trưởng phòng Kinh doanh.

Từ tháng 6/2016 đến tháng 9/2016 giữa Tổng công ty VHSG và Công ty TNHH BT (Công ty BT) ký kết với nhau 03 hợp đồng mua bán hạt nhựa: Hợp đồng số 06/HĐMB-VHSG ngày 03/6/2016; Hợp đồng số 07/HĐMB-VHSG ngày 22/9/2016; Hợp đồng số 08/HĐMB-VHSG ngày 26/9/2016.

Tại bản xác nhận dư nợ ngày 31/3/2017, Công ty BT xác nhận còn nợ Công ty VHSG số tiền là 9.224.468.368 đồng. Tại biên bản làm việc ngày 10/4/2017, hai công ty đã thỏa thuận với nhau phương thức trả nợ. Đồng thời, Công ty BT chuyển cho Công ty VHSG 03 lô đất để làm tài sản đảm bảo cho việc thực hiện 03 hợp đồng trên.

Tuy nhiên, sau đó Công ty BT không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo đúng thỏa thuận cho Công ty VHSG.

Qua nhiều cuộc họp nội bộ, với lý do cho rằng ông là người vi phạm dẫn đến việc không thể thu hồi được khoản nợ trên, ban giám đốc Công ty VHSG đã ra quyết định xử lý kỷ luật và buộc cá nhân ông phải bỏ ra một khoản tiền nộp vào tài khoản Công ty VHSG để tạm thanh toán một phần khoản nợ của Công ty BT. Do là người lao động phụ thuộc nên ông phải chấp hành và đã dùng tiền cá nhân để nộp cho Công ty VHSG số tiền là 1.604.000.000 đồng. Thời điểm này công ty VHSG không ban hành bất kỳ quyết định kỷ luật nào đối với ông mà chỉ là những chỉ đạo miệng từ Ban Giám đốc Công ty.

Sau đó, Công ty VHSG tiến hành khởi kiện công ty BT yêu cầu trả nợ và lãi suất phát sinh, vụ án được Tòa án nhân dân quận Bình Tân giải quyết theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 115/2017/QĐST-KDTM ngày 29/9/2017 với nội dung công nhận: “... Công ty TNHH thương mại BT thanh toán cho Tổng công ty Văn hóa VHSG – Công ty TNHH Một Thành viên toàn bộ số tiền nợ là: 11.386.490.982 đồng. Trong đó nợ gốc là 10.986.490.082 đồng, số tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán là 400.000.000 đồng. Thanh toán một lần ngay sau khi Quyết định có hiệu lực...”.

Ngày 18/12/2017, Công ty ban hành Quyết định về việc thi hành kỷ luật lao động số 574/QĐ-VHSG căn cứ theo nội quy lao động của Văn phòng Tổng công ty Văn hóa VHSG được ban hành. Trong đó, tại Điều 3 của quyết định thể hiện nội dung về trách nhiệm vật chất như sau: “...*Ông Trần Nhật M phải bồi thường thiệt hại vật chất sau khi có kết quả giải quyết thi hành án bằng văn bản của Chi cục thi hành án dân sự Quận Bình Tân trong việc thi hành án theo Quyết định số 115/2017/QĐST-KDTM của Tòa án nhân dân Quận Bình Tân đối với công ty TNHH Thương mại BT...*”.

Ngày 19/4/2019, Tổng giám đốc Công ty VHSG ban hành Quyết định số 194/QĐ-VHSG về việc chấm dứt hợp đồng lao động đối với ông Trần Nhật M và duy trì nội dung tại Điều 3 quyết định số 574/QĐ-VHSG ngày 18 tháng 12 năm 2017 quy định về trách nhiệm vật chất.

Nhận thấy, thời điểm công ty VHSG tiến hành xử lý kỷ luật đối với ông nhưng lại không ban hành quyết định kỷ luật lao động, nghĩa vụ bồi thường vật chất cũng không được quy định trong nội quy lao động cũng như thỏa thuận giữa ông M và Công ty. Do đó, ông đã yêu cầu công ty VHSG trả lại số tiền 1.604.000.000 đồng sau khi nghỉ việc. Tuy nhiên, Công ty VHSG không có thiện chí giải quyết, hai bên đã tiến hành hòa giải cơ sở tại Phòng Lao động thương binh và xã hội Quận 1 nhưng không thành.

Nay, ông làm đơn khởi kiện gửi đến Tòa án nhân dân Quận 1 yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn là Tổng công ty Văn Hóa VHSG – Công ty TNHH MTV trả lại cho ông số tiền là 1.604.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh tạm tính 24 tháng là 192.480.000 đồng; tổng cộng là 1.796.480.000 đồng.

Ngoài ra, về quy trình xuất hàng tại công ty VHSG: căn cứ vào Hợp đồng mua bán hàng hóa, khách hàng trình giấy giới thiệu tại Phòng kinh doanh. Phòng kinh doanh xem xét, nếu thấy phù hợp thì lập phiếu đề nghị xuất hóa đơn chuyển đến Phòng kế toán hoặc Giám đốc (kế toán có nhiệm vụ kiểm tra lại lần nữa nếu thấy phù hợp thì trình Giám đốc). Giám đốc xem xét, nếu cho phép xuất hàng thì ký duyệt phiếu đề nghị xuất hóa đơn chuyển lại cho Phòng kế toán. Kế toán lập hóa đơn, trình Giám đốc ký hóa đơn và xuất hóa đơn cho khách hàng. Khách hàng mang hóa đơn đến trình thủ kho và bảo vệ (bảo vệ là một đơn vị được thuê độc lập). Sau khi thủ kho và bảo vệ kiểm tra đầy đủ thủ tục, thủ kho kiểm đếm, xuất hàng cho khách. Với tư cách trưởng phòng kinh doanh ông có nghĩa vụ theo dõi số lượng hàng hóa nhận, xuất, tồn kho trên sổ sách để xây dựng kế hoạch kinh doanh tiếp theo, không có quyền cho xuất hàng hóa. Nếu

không làm đúng trình tự các khâu kiểm duyệt như trình bày trên thì hàng hóa không thể xuất kho được.

Việc theo dõi hợp đồng và xuất hàng hóa: Nhiệm vụ của ông là quản lý trực tiếp đội ngũ nhân viên kinh doanh nhằm đạt mục tiêu tăng trưởng doanh số, hoạch định và triển khai chiến lược kinh doanh, tìm kiếm mặt hàng là hạt nhựa nhập khẩu từ nước ngoài và bán lại cho khách trong nước, trong đó có Công ty BT. Ông có nhiệm vụ theo dõi số lượng hàng hạt nhựa thực tế tồn kho và trên sổ sách để báo cáo Tổng giám đốc. Công ty không giao ông M việc kiểm đếm, theo dõi xuất hàng hóa cho Công ty BT.

Về thời điểm xuất lô hàng 74,95 tấn hạt nhựa cho Công ty BT: Theo 02 hóa đơn GTGT thể hiện ngày 14/6/2017 xuất lô hàng 74,95 tấn hạt nhựa thực tế như thế nào thì ông không rõ.

Việc xuất lô hàng hạt nhựa này không thông qua ông và ông hoàn toàn không liên quan.

Thời điểm Công ty VHSG phát hiện sai phạm và lý do ông chuyển tiền vào tài khoản Công ty: ông khẳng định không sai phạm. Tuy nhiên, do là người lao động phụ thuộc và chịu sự chỉ đạo của cấp trên và Tổng Giám đốc nên khi Công ty BT không trả tiền mua hàng đúng hạn cho Công ty VHSG thì Tổng giám đốc lại quy trách nhiệm cho ông, buộc ông phải dùng tiền riêng của mình để nộp đảm bảo cho khoản nợ của Công ty BT. Đây là sự ép buộc được chứng minh bởi các Quyết định kỷ luật không đúng đối với ông và chính là nguyên nhân dẫn đến vụ kiện này.

Bị đơn là Tổng công ty VHSG – Công ty TNHH MTV do bà Nguyễn Trần Chiêu D là đại diện hợp pháp trình bày:

Ông Trần Nhật M nguyên là Trưởng phòng kinh doanh của Tổng Công ty VHSG - Công ty TNHH Một Thành Viên (Công ty VHSG) theo hợp đồng lao động có thời hạn 36 tháng kể từ ngày 02/01/2014 đến ngày 31/12/2016. Hết hạn hợp đồng, hai bên không ký tiếp hợp đồng lao động nhưng ông vẫn tiếp tục làm việc tại Công ty nên hợp đồng lao động tự chuyển thành loại hợp đồng không xác định thời hạn.

Ngày 27/11/2018, ông M nộp đơn xin nghỉ làm. Ngày 17/04/2019, Tổng Cty VHSG có Quyết định số 194/QĐ-VHSG về việc chấm dứt hợp đồng với ông M.

Năm 2016, Công ty VHSG và Công ty BT có ký kết các hợp đồng mua bán hạt nhựa. Ông M trực tiếp theo dõi hợp đồng và xuất hàng hóa cho Công ty BT.

Tháng 12/2016, do Công ty BT còn công nợ chưa thanh toán theo hợp đồng nên Tổng Giám đốc chỉ đạo không giao hàng cho đến khi Công ty BT thanh toán nợ.

Tháng 03/2017, ông M tự ý tiếp tục giao cho Công ty BT lô hàng 222,125 tấn hạt nhựa trị giá 4.762.152.738 đồng. Sau khi tự ý xuất lô hàng 222,125 tấn hạt nhựa, ông M tiếp tục giao lô hàng 74,95 tấn nữa. Trị giá của lô hàng 74,95 tấn là 1.604.000.000 đồng.

Ông M tự biết mình đã làm sai gây thiệt hại quá lớn cho Tổng Công ty VHSG nên đã tự nguyện nộp số tiền 1.604.000.000 đồng để đảm bảo thực hiện thanh toán cho lô hàng 74,95 tấn hạt nhựa mà ông M đã tự ý giao cho Công ty BT trái với chỉ đạo của Tổng Giám đốc.

Do ông M đã tự nguyện đóng tiền đảm bảo thanh toán cho lô hàng 74,95 tấn nên khi xem xét kỷ luật không đề cập đến việc sai phạm và trách nhiệm vật chất đối với lô hàng 74,95 tấn. Tổng Công ty chỉ xem xét trách nhiệm và xử lý vi phạm đối với việc xuất lô hàng 222,125 tấn thể hiện Tờ trình số 43/TCHC ngày 14/12/2017 của Phòng Tổ chức hành chính, biên bản cuộc họp về việc xử lý kỷ luật lao động ngày 15/12/2017.

Căn cứ vào biên bản xử lý kỷ luật lao động, Công ty VHSG đã ban hành Quyết định số 574/QĐ-VHSG ngày 18/12/2017 thi hành kỷ luật đối với ông M với hình thức kỷ luật là: Kéo dài thời gian nâng bậc lương 6 tháng. Đối với trách nhiệm vật chất, ông M phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại vật chất (nếu có) sau khi có kết quả giải quyết thi hành án của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận Bình Tân.

Như vậy, số tiền 1.604.000.000 đồng ông M tự nguyện nộp vào tài khoản của Công ty VHSG không phải là tiền nộp theo quyết định xử lý kỷ luật lao động và việc xử lý kỷ luật lao động cũng không xét đến trách nhiệm của việc giao lô hàng 74,95 tấn hạt nhựa.

Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 115/2017/QĐST-KDTM của Tòa án nhân dân Quận Bình Tân buộc Công ty BT phải thanh toán cho Công ty VHSG số tiền 11.386.490.982 đồng, bao gồm: 10.986.490.982 đồng tiền gốc và 400.000.000 đồng tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ. Do số tiền gốc 10.986.490.982 đồng trong đó có bao gồm số tiền 1.604.000.000 đồng

tương ứng với 74,95 tấn hạt nhựa nên khi Công ty VHSG nhận được tiền thanh toán từ Công ty BT hoặc do Chi cục Thi hành án Dân sự Bình Tân chuyển đến, Công ty VHSG sẽ hoàn trả lại cho ông M số tiền ông M đã tự nguyện nộp để đảm bảo thực hiện thanh toán.

Nếu việc thi hành án đối với Công ty BT không thực hiện được, có văn bản trả đơn của Chi cục THA Quận Bình Tân, ông M sẽ phải chịu trách nhiệm vật chất bồi thường toàn bộ số tiền thiệt hại của Tổng Cty theo quy định của pháp luật trong đó bao gồm số tiền tương đương 222,125 tấn và 74,95 tấn.

Hiện nay việc thi hành Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự chưa thi hành được nên Công ty VHSG không đồng ý hoàn trả cho ông M số tiền 1.796.480.000 đồng theo yêu cầu khởi kiện của ông M.

Tại phiên toà:

Các đương sự thống nhất:

+ Nội dung liên quan đến thông tin nộp tiền và số tiền nguyên đơn nộp tiền vào tài khoản của bị đơn là 1.604.000.000 đồng

+ Nội dung hợp đồng lao động giữa hai bên: Thời gian thực hiện hợp đồng, vị trí làm việc, quá trình thực hiện hợp đồng và thời điểm chấm dứt hợp đồng.

+ Bị đơn không có bản mô tả công việc vị trí làm việc của nguyên đơn; văn bản bàn giao tài sản, hàng hóa tại kho cho nguyên đơn quản lý.

+ Giữa nguyên đơn, bị đơn và công ty TNHH BT không có thỏa thuận chung giữa ba bên về việc nguyên đơn cam kết bảo lãnh thanh toán cho nghĩa vụ trả tiền mua hàng của công ty TNHH BT theo hợp đồng mua bán với bị đơn.

Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu buộc bị đơn thanh toán tiền lãi tạm tính 24 tháng là 192.480.000 đồng và hủy một phần nội dung quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 194/QĐ-VHSG ngày 17 tháng 4 năm 2019 của bị đơn; giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn trả lại số tiền 1.604.000.000 đồng. Giữ nguyên quan điểm cơ sở pháp lý đã trình bày về yêu cầu khởi kiện trong quá trình tố tụng; không thống nhất quan điểm bị đơn trình bày trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa về quy trình giao hàng, bản chất nội dung chuyển tiền, trách nhiệm nguyên đơn là trách nhiệm dân sự.

Bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cho rằng khoản tiền 1.604.000.000 đồng là số tiền nguyên đơn bảo đảm theo trách nhiệm dân sự không phải là trách nhiệm bồi thường hay trách nhiệm

vật chất của người lao động; quy trình xuất kho hàng hóa của công ty có lỗi khi giao cho bị đơn quản lý khách hàng công ty BT; đồng thời giải trình việc không giao nộp chứng cứ liên quan đến biên bản phiên họp đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh tháng 12/2016 và các chứng từ xuất hàng: Phiếu xuất kho, biên bản kiểm hàng, biên bản giao nhận hàng hóa và các chứng từ khác liên quan đến lô hàng 74,95 tấn hạt nhựa vì cho rằng liên quan đến bí mật kinh doanh của công ty.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự, về thu thập chứng cứ, tổng đạt văn bản tố tụng, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, thời hạn chuẩn bị xét xử đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án;

- Các đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng;

- Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán tiền lãi tạm tính 24 tháng là 192.480.000 đồng

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại khoản tiền 1.604.000.000 đồng là khoản tiền nguyên đơn đã nộp vào tài khoản bị đơn do thực hiện chỉ đạo miệng Ban Giám đốc với nhận thức là người lao động phụ thuộc nên phải chấp hành và dùng tiền cá nhân bảo đảm thanh toán cho công ty BT, việc gửi tiền không phải do nguyên đơn tự nguyện.

Bị đơn trình bày: Nguyên đơn tự biết mình đã làm sai gây thiệt hại quá lớn cho bị đơn nên đã tự nguyện nộp số tiền 1.604.000.000 đồng để đảm bảo thực hiện thanh toán cho lô hàng 74,95 tấn hạt nhựa mà nguyên đơn đã tự ý giao cho Công ty BT trái với chỉ đạo của Tổng Giám đốc. Do nguyên đơn đã tự nguyện đóng tiền đảm bảo thanh toán cho lô hàng 74,95 tấn nên khi xem xét kỷ luật không đề cập đến việc sai phạm và trách nhiệm vật chất đối với lô hàng 74,95 tấn. Do đó nguyên đơn thực hiện việc chuyển tiền theo trách nhiệm dân sự

không phải là trách nhiệm bồi thường hay trách nhiệm vật chất của người lao động

Xét:

+ Quá trình tố tụng và tại phiên tòa các đương sự xác nhận: giữa nguyên đơn, bị đơn và công ty TNHH BT không có thỏa thuận chung giữa ba bên về việc nguyên đơn cam kết bảo lãnh thanh toán cho nghĩa vụ trả tiền mua hàng của công ty TNHH BT theo hợp đồng mua bán với bị đơn; bị đơn không cung cấp chứng cứ giải trình về giá trị lô hàng 74,95 tấn hạt nhựa cũng như lô hàng này thuộc cam kết theo hợp đồng nào với Công ty BT; bị đơn không có ban hành quyết định kỷ luật lao động nào đối với nguyên đơn liên quan đến việc xuất 74,95 tấn hạt nhựa trái ý kiến chỉ đạo của Tổng Giám đốc.

+ Bị đơn không giao nộp chứng cứ liên quan xuất lô hàng 74,95 tấn hạt nhựa cho công ty BT và chứng từ liên quan đến việc thực hiện định khoản kế toán cho khoản tiền 1.604.000.000 đồng do nguyên đơn nộp vào tài khoản theo yêu cầu của Tòa án;

+ Quá trình tố tụng, bị đơn giao nộp tờ trình ngày 30/5/2017 của nguyên đơn trình bày về việc quản lý hạt nhựa thể hiện nội dung “...lợi dụng sự linh động của tôi, khách hàng tiếp tục thuyết phục thủ kho ứng trước xuất tiếp 74.9 tấn tương đương với 1.7 tỷ đồng, việc thủ kho xuất là ông không hề biết...” do đó nội dung lập luận của bị đơn cho rằng Nguyên đơn tự biết mình đã làm sai gây thiệt hại quá lớn cho bị đơn nên đã tự nguyện nộp số tiền 1.604.000.000 đồng là mâu thuẫn với chứng cứ do chính bị đơn giao nộp.

+ Tài liệu, chứng cứ do Cục thuế Tp. Hồ Chí Minh cung cấp thể hiện bị đơn thực hiện hạch toán khoản tiền 1.604.000.000 đồng như sau:

* Tài khoản 13881 – Khoản phải thu ngắn hạn

Đối tượng PN-1337-Công ty TNHH TM BT

* Tk đối ứng: 11211 – Phát sinh Có

Nội dung diễn giải “*Trần Nhật M nộp tiền đảm bảo thực hiện thanh toán mặt hàng hạt nhựa 74.95 tấn cho Cty BT*”

Căn cứ quy định tại Khoản 1, tiểu mục c điểm 3.3 Khoản 3 Điều 21 Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/4/2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế

toán chế độ kế toán doanh nghiệp thì tài khoản 138 được hướng dẫn hạch toán như sau:

“...Tài khoản 1388 - Phải thu khác: Phản ánh các khoản phải thu của doanh nghiệp ngoài phạm vi các khoản phải thu phản ánh ở các TK 131, 133, 136 và TK 1381, 1385, như: Phải thu các khoản cổ tức, lợi nhuận, tiền lãi; Phải thu các khoản phải bồi thường do làm mất tiền, tài sản;...”

...3 Phương pháp kế toán một số giao dịch kinh tế chủ yếu

3.3. Trường hợp tiền mặt tồn quỹ, vật tư, hàng hóa,... phát hiện thiếu khi kiểm kê:

c) Trường hợp tài sản phát hiện thiếu đã xác định được ngay nguyên nhân và người chịu trách nhiệm thì căn cứ nguyên nhân hoặc người chịu trách nhiệm bồi thường, ghi:

Nợ TK 138 - Phải thu khác (1388 - Phải thu khác) (số phải bồi thường)

Có các TK 111, 112...”

Như vậy, có cơ sở xác định tại thời điểm nguyên đơn chuyển tiền vào tài khoản của bị đơn đã được bị đơn hạch toán là khoản bồi thường của người lao động phải chịu trách nhiệm; do đó lập luận bị đơn cho rằng đây là bảo đảm theo trách nhiệm dân sự là không có cơ sở.

Nội dung tranh chấp giữa các bên liên quan khoản tiền bồi thường của người lao động đối với người sử dụng lao động không liên quan đến kỷ luật lao động do đó cần xác định lại quan hệ tranh chấp của vụ án là *“Tranh chấp liên quan đến trách nhiệm vật chất của người lao động”*

Bị đơn có trụ sở tại Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ Khoản 5 Điều 32, điểm c Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về việc không triệu tập Công ty TNHH BT tham gia tố tụng: Các đương sự cùng xác nhận không có thỏa thuận chung với Công ty TNHH BT về việc nguyên đơn thực hiện nghĩa vụ bảo đảm thanh toán tiền mua hàng theo hợp đồng; Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 115/2017/QĐST- KDTM của Tòa án nhân dân Quận Bình Tân xác định rõ nghĩa vụ của Công ty BT phải thanh toán cho bị đơn số tiền 11.386.490.982 đồng, bao gồm: 10.986.490.982 đồng tiền gốc và 400.000.000 đồng không xác

định trách nhiệm nguyên đơn và khoản tiền đang tranh chấp trong vụ án; do đó phạm vi giải quyết vụ án theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của Công ty TNHH BT do đó Tòa án không triệu tập tham gia tố tụng; ngoài ra trong quá trình tố tụng Tòa án đã có văn bản gửi Công ty BT xác minh nội dung liên quan đến vụ việc nhưng không giao nộp văn bản phản hồi.

[4] Xét: Căn cứ quy định tại Điều 220 Bộ luật Lao động năm 2019 thì Bộ Luật Lao động năm 2012 là Luật nội dung áp dụng giải quyết vụ án.

[5] Xét: Tại phiên tòa nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn thanh toán số tiền lãi tạm tính 24 tháng là 192.480.000 đồng là tự nguyện, nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này của nguyên đơn theo quy định tại Khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[6] Xét: đối với yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện hủy một phần nội dung quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 194/QĐ-VHSG ngày 17 tháng 4 năm 2019 của bị đơn; quá trình khởi kiện tại bản khai ngày 19/8/2019 nguyên đơn có yêu cầu khởi kiện hủy bỏ một phần nội dung tại Điều 3 Quyết định 574/QĐ-VHSG ngày 18/12/2017; đây là các yêu cầu vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu, trong quá trình tố tụng nguyên đơn chưa có đơn yêu cầu khởi kiện bổ sung đối với yêu cầu này đồng thời tại bản khai ngày 21/4/2021 và tại phiên tòa nguyên đơn xác định yêu cầu sau cùng là buộc bị đơn trả lại số tiền 1.604.000.000 đồng ngoài ra không có yêu cầu nào khác nên hội đồng xét xử không xem xét giải quyết đối với 02 yêu cầu nêu trên của nguyên đơn.

[7] Xét: Trong quá trình tố tụng, tại phiên tòa các đương sự không yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ cũng như giao nộp bổ sung các tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án;

Bị đơn không giao nộp tài liệu, chứng cứ theo thông báo giao nộp chứng cứ số 01/2021/TB-TA ngày 18 tháng 01 năm 2021 bao gồm các tài liệu, chứng cứ:

+ *Biên bản họp đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh tháng 12/2016;*

+ *Bản khai trình bày với nội dung quá trình giải quyết hành vi của ông Trần Nhật M tự ý việc xuất lô hàng 74,95 tấn hạt nhựa cho Công ty BT cụ thể nội dung:*

- a. Thời điểm ông M tự ý xuất lô hàng 74,95 tấn hạt nhựa cho công ty BT? Các chứng từ xuất theo đơn hàng này gồm những chứng từ nào? Đề nghị cung cấp?
- b. Thời điểm công ty phát hiện sai phạm của ông M là thời điểm nào? Sau khi phát hiện sai phạm công ty có tiến hành việc kiểm kho hàng hóa không? (nếu có đề nghị cung cấp biên bản kiểm kê);
- c. Công ty có quy trình nội bộ liên quan đến việc xuất hàng cho khách hàng không? Nội dung bản khai ngày 23/9/2019 thể hiện: "... ông M trực tiếp theo dõi hợp đồng và xuất hàng hóa cho công ty BT..." như vậy lãnh đạo công ty có văn bản ủy quyền hay giao quyền cho ông M toàn quyền xuất hàng cho BT không?
- d. Thực tế theo hợp đồng công ty đã xuất cho BT bao nhiêu đơn hàng theo yêu cầu? (đề nghị cung cấp chứng từ xuất hàng: Phiếu xuất kho, biên bản kiểm hàng, biên bản giao nhận hàng hóa và các chứng từ khác liên quan đến lô hàng 74,95 tấn hạt nhựa) Việc ông M chuyển tiền vào tài khoản của công ty theo thỏa thuận giữa hai bên hay do ông M tự nguyện thực hiện hay do chỉ đạo lãnh đạo công ty?
- e. Ngoài ra liên quan đến đơn hàng 222,125 tấn ông M có cam kết bảo đảm thanh toán không?

+ Bản giải trình chi tiết nội dung phương pháp kế toán phản ánh tài khoản 13881 – Phải thu ngắn hạn, đối tượng PN – 1337 – Công ty TNHH TM BT theo 04 lần chuyển tiền của ông M vào tài khoản của công ty được quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/4/2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán chế độ kế toán doanh nghiệp.(chứng từ nghiệp vụ liên quan? Nếu có?)

Do đó Hội đồng xét xử căn cứ tài liệu, chứng cứ khác do các đương sự giao nộp và Tòa án thu thập được cùng nội dung trình bày của các đương sự làm cơ sở xem xét giải quyết vụ án.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc bị đơn trả lại số tiền 1.604.000.000 (một tỷ sáu trăm lẻ bốn triệu) đồng đã chuyển vào tài khoản bị đơn

[8] Xét: Các đương sự xác nhận số tiền, nội dung chuyển khoản, ngày chuyển khoản đối với khoản tiền nêu trên trên;

+ Cơ sở lập luận của nguyên đơn cho rằng là người lao động phụ thuộc nên nguyên đơn phải chấp hành và đã dùng tiền cá nhân để nộp cho Công ty VHSG số tiền là 1.604.000.000 đồng là không tự nguyện, nguyên đơn không có lỗi liên quan đến việc xuất 74,9 tấn hạt nhựa cho công ty TNHH BT;

+ Cơ sở lập luận bị đơn cho rằng nguyên đơn tự biết mình đã làm sai gây thiệt hại quá lớn nên đã tự nguyện nộp số tiền 1.604.000.000 đồng để đảm bảo thực hiện thanh toán cho lô hàng 74,95 tấn hạt nhựa mà nguyên đơn đã tự ý giao cho Công ty BT trái với chỉ đạo của Tổng Giám đốc; do nguyên đơn đã tự nguyện đóng tiền đảm bảo thanh toán cho lô hàng 74,95 tấn nên khi xem xét kỷ luật không đề cập đến việc sai phạm và trách nhiệm vật chất đối với lô hàng 74,95 tấn do đó đây được xem là tự nguyện bảo đảm theo trách nhiệm dân sự không phải là trách nhiệm vật chất hay trách nhiệm bồi thường của người lao động.

[9] Xét: Bị đơn không giao nộp chứng cứ liên quan đến chứng từ xuất lô hàng 74,95 tấn hạt nhựa theo nghĩa vụ cung cấp chứng cứ theo nghĩa vụ chứng minh được quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 91 Bộ luật Tố tụng Dân sự; đồng thời bị đơn không xác định được giá trị lô hàng trên là bao nhiêu và liên quan hợp đồng nào giữa bị đơn và công ty BT.

[10] Xét: Nội dung nhận định tại mục [1] quan điểm lập luận nêu trên của bị đơn là không có cơ sở; đồng thời có cơ sở xác định khoản tiền được nguyên đơn đã nộp vào tài khoản của bị đơn là khoản tiền bồi thường của người lao động; do đó bị đơn phải có nghĩa vụ xác định lỗi đối với người lao động khi buộc nguyên đơn phải có nghĩa vụ bồi thường theo quy định tại các Điều 123, Điều 124, Điều 130, Điều 131 Bộ Luật Lao động năm 2012.

[11] Xét: Bị đơn xác nhận không có văn bản bàn giao tài sản, hàng hóa tại kho cho nguyên đơn quản lý; không xem xét giải quyết kỷ luật và thực hiện thủ tục liên quan đến trách nhiệm bồi thường cụ thể là việc xác định yếu tố lỗi của nguyên đơn về quá trình xuất lô hàng 74,95 tấn hạt nhựa;

[12] Xét: Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 115/2017/QĐST- KDTM của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh đã xác định rõ nghĩa vụ của công ty TNHH BT đối với bị đơn; giữa bị đơn với công ty BT và nguyên đơn không có thỏa thuận trách nhiệm của nguyên đơn về bảo đảm thanh toán tiền hàng.

[13] Xét: căn cứ nội dung lập luận từ mục [1], [8], [9], [10], [11], [12] có cơ sở xác định bị đơn không chứng minh được yếu tố lỗi của nguyên đơn để xem xét buộc nguyên đơn thực hiện nghĩa vụ bồi thường của người lao động; do đó bị đơn phải có nghĩa vụ trả lại cho nguyên đơn số tiền 1.604.000.000 đồng. Nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[14] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Bị đơn phải chịu án phí tương ứng với nghĩa vụ phải trả theo yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn được chấp nhận là 36.080.000 đồng. Hoàn lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[15] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 5 Điều 32, điểm c Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Khoản 2 Điều 244; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 123, Điều 124, Điều 130, Điều 131 Bộ Luật Lao động năm 2012; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016; Luật Thi hành án dân sự

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Trần Nhật M buộc Tổng công ty VHSG – Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên thanh toán thanh toán số tiền lãi tạm tính 24 tháng là 192.480.000 đồng

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn:

Buộc Tổng công ty Văn hóa VHSG – Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên phải hoàn trả cho ông Trần Nhật M số tiền 1.604.000.000 (một tỉ sáu trăm lẻ bốn triệu) đồng

Thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, bên phải thi hành án còn phải

chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Tổng công ty VHSG – Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên phải chịu án phí là 36.080.000 đồng. Hoàn lại cho ông Trần Nhật M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 19.964.800 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí; lệ phí Tòa án số AA/2018/0007920 ngày 31 tháng 7 năm 2019 của Chi Cục thi hành án dân sự Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

4. Ông Trần Nhật M và Tổng công ty VHSG – Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh;
- Lưu văn thư, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Sỹ Hùng